

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày: 02-6-2025

*V/v “Tranh chấp về hợp
đồng góp vốn, thi công,
xây dựng công trình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ông Võ Đức Dũng;
2. Bà Tạ Thị Anh Pha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 02 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2025/QĐXXST – DS ngày 12-5-2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Quang T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1978.

Đại chỉ: Tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông T, ông T đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024, Biên bản làm việc ngày 24/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Lê Quang T trình bày:*

Do có sự quen biết, làm việc với nhau trong lĩnh vực thầu khoán thi công, xây dựng công trình trên địa bàn huyện Tư Nghĩa. Vào năm 2019, ông T có cùng với ông T hợp tác đầu tư, nhận thầu khoán thi công, xây dựng công trình tường rào cổng ngõ Nhà văn hóa của 03 (ba) thôn thuộc xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa; các công trình xây dựng đều do UBND xã Nghĩa Hiệp làm chủ đầu tư và đơn vị nhận thi công (đơn vị nhận thầu) là Công Ty TNHH MTV T (địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi), do ông Đỗ Ngọc D, chức vụ - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Mặc dù, đơn vị nhận thi công (đơn vị nhận thầu) là Công ty TNHH MTV T, nhưng trên

thực tế ông Võ Văn T là người đứng ra quản lý, thi công và chịu trách nhiệm tất cả các vấn đề liên quan đến các công trình như đầu tư vốn, hưởng lợi nhuận và chịu trách nhiệm thanh quyết toán; cụ thể: 03 (ba) công trình xây dựng tường rào, cổng ngõ tại xã Nghĩa Hiệp có tổng mức đầu tư trên 700.000.000 đồng (ông T không nhớ chính xác con số cụ thể). Trong quá trình thi công các công trình nêu trên, ông T có rủ ông T, 02 bên cùng hợp tác đầu tư vốn để thi công và chia lợi nhuận; các bên dự tính lợi nhuận toàn bộ công trình là 15% trên tổng vốn đầu tư và thỏa thuận chia lợi nhuận theo tỷ lệ số tiền của từng người. Trên cơ sở thỏa thuận đó, ông T góp tổng cộng 165.000.000 đồng bằng việc góp tiền mua vật tư như sắt thép, đá xanh (đá chẻ), lưới B40, xi măng...) và đồng thời phụ trách thuê, trả tiền nhân công. Đến nay, các công trình nêu trên đã được chủ đầu tư thanh, quyết toán xong; ông T đã nhận tiền nhưng không trả lại đủ cho ông T số tiền đã góp, cũng như lợi nhuận theo thỏa thuận trước đó, mà chỉ mới thanh toán cho ông được 100.000.000 đồng tiền vốn góp. Vì tin tưởng lẫn nhau nên khi hợp tác không có lập văn bản gì, chỉ thỏa thuận bằng miệng. Tổng số tiền lợi nhuận từ 03 công trình nêu trên, ông T cũng không biết được chính xác là bao nhiêu, vì ông T là người trực tiếp làm các thủ tục như hợp đồng xây dựng, hoàn công, quyết toán, thủ tục thuế ... và nhận tiền từ chủ đầu tư; ông T chỉ lo nhiệm vụ bỏ tiền ra mua một số vật tư, thuê và trả tiền nhân công, nhưng theo ước tính của ông số tiền lợi nhuận ông được chia tính trên tỷ lệ vốn góp (165.000.000 đồng) là 54.432.000 đồng.

Ngoài số tiền góp vốn, cùng nhau hợp tác xây dựng công trình và chia lợi nhuận nêu trên, ông T có cho ông T mượn riêng số tiền 100.000.000 đồng để lo việc cá nhân. Số tiền này, ông T đã trả xong cho ông T, nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại, số tiền ông Trường còn nợ và phải có trách nhiệm trả cho ông là 120.000.000 đồng, trong đó: Số tiền vốn ban đầu ông đã góp là 65.000.000 đồng (165.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng) và tiền lợi nhuận là 54.432.000 đồng. Nay, ông Lê Quang T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn T trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng, trong đó gồm có số tiền vốn ban đầu ông đã góp là 65.000.000 đồng (165.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng) và tiền lợi nhuận là 54.432.000 đồng.

Ngoài ra không ông T không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

** Tại Bản tự khai đề ngày 23/20/2024, Biên bản làm việc ngày 24/12/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Văn T trình bày:*

Về quan hệ quen biết và cùng nhau hợp tác đầu tư thi công, xây dựng công trình giống như nguyên đơn ông Lê Quang T đã trình bày. Trong quá trình thực hiện thi công các công trình, số tiền chính xác nguyên đơn bỏ ra đầu tư cụ thể là bao nhiêu thì không có chứng từ cụ thể. Tuy nhiên, do tin tưởng nên mới thống nhất ông T có đầu tư cùng với ông số tiền 165.000.000 đồng, còn cụ thể số tiền 165.000.000 đồng này ông T có mua vật tư, trả tiền nhân công hay không, mua như thế nào thì ông không biết chính xác được (ông T thông báo như thế nào thì ông tin tưởng như vậy).

Các công trình xây dựng hoàn thành trong năm 2019, nhưng đến năm 2024 mới được thanh quyết toán. Tuy nhiên, vào ngày 14/5/2021, ông T mua nhà không có tiền nên hỏi bị đơn, bị đơn đã trả trước cho ông T số tiền 100.000.000 đồng tại địa điểm “Tượng đài Chiến thắng xã Nghĩa Hiệp”. Tại thời điểm này, hai bên cũng chưa tính toán đầy đủ, cụ thể tổng số tiền góp và tiền lợi nhuận được chia là bao nhiêu.

Đến giữa tháng 12 năm 2022, ông T đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nên cần tiền nộp lệ phí, ông T có gọi điện thoại hỏi số tiền còn lại. Vào khoảng thời gian ngày 13 hay 14 tháng 12 năm 2022, tại quán nhậu Thảo Nguyên (địa chỉ: xã Nghĩa Trung, huyện Tư Nghĩa), ông T, ông T và có sự chứng kiến của một số người bạn thống nhất, thỏa thuận tổng số tiền ông T được thanh toán từ việc hợp tác, góp vốn thi công, xây dựng 03 công trình ở xã Nghĩa Hiệp là 200.000.000 đồng (*gồm cả tiền góp vốn là 165.000.000 đồng và tiền lợi nhuận được chia là 35.000.000 đồng*). Sau đó, vào ngày 21/12/2022, ông T có đến nhà lấy số tiền 100.000.000 đồng còn lại, ông T nhận tiền và có viết giấy rõ ràng.

Như vậy, ông T đã nhận của ông tổng số tiền là 200.000.000 đồng (trong đó gồm có 165.000.000 đồng tiền góp vốn và 35.000.000 đồng tiền lợi nhuận được chia). Nay, ông T xác định: ông không còn nợ ông T khoản tiền nợ nào, tất cả các vấn đề liên quan đến việc góp vốn, đầu tư, cùng nhau xây dựng 03 công trình tại xã Nghĩa Hiệp đã được thanh toán dứt điểm. Do đó, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngoài số tiền góp vốn, cùng nhau hợp tác xây dựng công trình và chia lợi nhuận nêu trên, ông T có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng để lo việc cá nhân. Số tiền này, ông T đã trả xong cho ông T. Ngoài ra, ông T không trình bày gì thêm và cũng không có yêu cầu gì khác.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Tại Thông báo về việc thụ lý vụ án số 15/TB-TLVA ngày 22/10/2024, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa thể hiện số tiền 120.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả, xuất phát từ sự thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn trong hợp tác, góp vốn đầu tư thi công, xây dựng công trình. Do đó, có cơ sở để xác định và thay đổi lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng góp vốn, thi công, xây dựng công trình*” theo quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Võ Văn T, có địa chỉ tại: Tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn, trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, bị đơn cung cấp và Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản làm việc ngày 24/12/2024 (Bút lục số 34), nguyên đơn ông Lê Quang T với bị đơn ông Võ Văn T đã thống nhất, thừa nhận các nội dung:

- Có cùng nhau thỏa thuận, góp vốn để thi công, xây dựng 03 công trình tường rào, cổng ngõ tại Nhà văn hóa của 03 thôn ở xã Nghĩa Hiệp do UBND xã Nghĩa Hiệp làm chủ đầu tư. UBND xã Nghĩa Hiệp (chủ đầu tư) đã thanh quyết toán xong các công trình và tổng số tiền ông T phải trả cho ông T là 200.000.000 đồng (*trong đó 165.000.000 đồng là tiền vốn ông T góp và 35.000.000 đồng là tiền chia lợi nhuận, được tính trên tỷ lệ phần góp vốn*).

- Ông T đã nhận từ ông T tổng số tiền là 200.000.000 đồng (*lần thứ nhất số tiền 100.000.000 đồng tại Trượng đài Chiến thắng xã Nghĩa Hiệp, lần thứ hai số tiền 100.000.000 đồng tại nhà ông T*).

- Ngoài việc hợp tác, góp vốn xây dựng 03 công trình tường rào, cổng ngõ tại Nhà văn hóa của 03 thôn ở xã Nghĩa Hiệp thì ông T có cho ông T mượn riêng số tiền 100.000.000 đồng. Ông T, ông T xác định không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay 100.000.000 đồng này, khi cần thiết các bên sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp trong vụ án khác.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết không phải chứng minh, nên có cơ sở xác định ông T có hợp tác với ông T cùng nhau thi công, xây dựng công trình và có thỏa thuận chia lợi nhuận; tổng số tiền góp vốn và lợi nhuận mà ông T được chia là 200.000.000 đồng (*trong đó có 165.000.000 đồng tiền vốn góp là 35.000.000 đồng tiền lợi nhuận*), ông T đã nhận từ ông T số tiền 200.000.000 đồng. Do đó, việc ông T yêu cầu ông T phải trả số tiền 120.000.000 đồng như theo đơn khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Đối với số tiền vay 100.000.000 đồng: Ông T thừa nhận có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, nhưng đã trả đủ 100.000.000 đồng cho ông T vào ngày

27/3/2021 tại quán nhậu Sĩ Liêm trên đường Hưng Nguyên, thị trấn L. Ngược lại ông T cho rằng, vào ngày 27/3/2021, ông T có trả nợ cho ông T, nhưng số tiền tra chỉ có 2.500.000 đồng và đó là một khoản nợ khác (*nợ tiền mượn đi đám ma 500.000 đồng và 2.000.000 đồng tiền ông T trả tiền nhậu hôm trước cho ông T mượn*). Việc ông T cho rằng số tiền 100.000.000 đồng mà ông T nhận từ ông T tại địa điểm “Tượng đài Chiến thắng xã Nghĩa Hiệp” chính là số tiền trả nợ vay, chứ không phải tiền góp vốn, chia lợi nhuận từ việc hợp tác thi công xây dựng 03 công trình Nhà văn hóa ở xã Nghĩa Hiệp; nhưng ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 100.000.000 đồng nhận từ ông T tại “Tượng đài chiến thắng xã Nghĩa Hiệp” là số tiền trả nợ vay. Do vậy, có căn cứ xác định số tiền 100.000.000 đồng mà ông T trả cho ông T tại “Tượng đài Chiến thắng xã Nghĩa Hiệp” là số tiền góp vốn, chia lợi nhuận từ việc hợp tác, thi công xây dựng 03 công trình nhà văn hóa tại xã Nghĩa Hiệp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã phân tích, giải thích các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án và phạm vi giải quyết đối với số tiền nợ vay 100.00.000 đồng này, nhưng ông T, ông T, cả hai đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, ông T có quyền khởi kiện để yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác nếu có căn cứ.

[3] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Lê Quang T phải chịu số tiền 6.000.000 đồng (120.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Quang T về việc buộc bị đơn ông Võ Văn T trả cho ông số tiền 120.000.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Lê Quang T phải chịu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 3.000.000 đồng tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004375 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Số tiền án phí ông Tuyên còn phải nộp là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng).

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS H. Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Duẩn